

Số: 56 /KH-UBND

Thái Bình, ngày 18 tháng 03 năm 2024

## KẾ HOẠCH

### Triển khai nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Thái Bình

Căn cứ các Quyết định của Bộ Thông tin và Truyền thông: Số 392/QĐ-BTTTT ngày 02/3/2022 phê duyệt Kế hoạch phát triển nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số; số 2012/QĐ-BTTTT ngày 20/10/2023 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Kế hoạch phát triển nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số ban hành kèm theo Quyết định số 392/QĐ-BTTTT ngày 02/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh với những nội dung như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

##### 1. Mục đích

- Đẩy mạnh phát triển, sử dụng nền tảng bản đồ số tích hợp địa chỉ số để nâng cao hiệu quả cung ứng dịch vụ bưu chính, hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp bưu chính.

- Hình thành cơ sở dữ liệu địa chỉ số của các doanh nghiệp bưu chính để chia sẻ cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khai thác, xây dựng các bản đồ số chuyên ngành phục vụ nhu cầu quản lý và phát triển kinh tế xã hội.

- Hoàn thành chỉ tiêu về địa chỉ số trong các chiến lược quốc gia về phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

##### 2. Yêu cầu

- Triển khai hiệu quả Quyết định số 392/QĐ-BTTTT ngày 02/3/2022 và Quyết định số 2012/QĐ-BTTTT ngày 20/10/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Phân công trách nhiệm cụ thể, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan để triển khai Kế hoạch.

##### 3. Đối tượng tham gia Kế hoạch

- Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính và các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan.

- Các cơ quan báo chí của tỉnh.

- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

- Bưu điện tỉnh Thái Bình.

- Các doanh nghiệp bưu chính, công nghệ khác.

- Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có nhu cầu sử dụng, khai thác nền tảng địa chỉ số.



## II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

### 1. Tạo lập, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chỉ số

- Cơ sở dữ liệu địa chỉ số phải có các trường thông tin và cấu trúc phù hợp với cấu trúc nền tảng địa chỉ số tại Phụ lục I và phân loại đối tượng được gán địa chỉ số tại Phụ lục II Kế hoạch này.

- Bưu điện tỉnh Thái Bình thuộc Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu địa chỉ số trên địa bàn tỉnh theo đúng chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

### 2. Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số

- Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ về địa chỉ số như: Tìm kiếm địa chỉ, gợi ý địa chỉ số, xác thực địa chỉ, định danh tọa độ/địa chỉ và các dịch vụ địa chỉ số khác.

- Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu địa chỉ số phục vụ nhu cầu nghiệp vụ, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Thúc đẩy chia sẻ dữ liệu, kết hợp xây dựng nền tảng bản đồ số và phát triển các ứng dụng bản đồ số phục vụ các ngành, lĩnh vực như: Bản đồ dịch tễ, bản đồ vùng an toàn dịch bệnh, bản đồ y tế, bản đồ giáo dục, bản đồ du lịch, bản đồ nông sản...

### 3. Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền về nền tảng địa chỉ số

- Thực hiện tuyên truyền về nền tảng địa chỉ số phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Hình thức tuyên truyền: Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, qua hệ thống truyền thanh cơ sở và theo phương thức khác.

### 4. Nhiệm vụ: Nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục III kèm theo Kế hoạch.

## III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch bao gồm: Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, nguồn kinh phí của doanh nghiệp. Khuyến khích nguồn kinh phí xã hội hoá và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Ưu tiên lồng ghép kinh phí các nhiệm vụ của Kế hoạch này với các đề án, nhiệm vụ thực hiện nội dung về thông tin và truyền thông thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

## IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch này; theo dõi đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông kết quả triển khai các nhiệm vụ theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tuyên truyền về nền tảng địa chỉ số.

- Phối hợp với Bưu điện tỉnh Thái Bình, Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam thực hiện các nhiệm vụ liên quan trong Kế hoạch này.

- Chủ động triển khai các ứng dụng sử dụng nền tảng địa chỉ số để phục vụ việc phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh.

## **2. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch này theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách hiện hành.

## **3. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố**

- Phối hợp với Bưu điện tỉnh Thái Bình thuộc Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam thực hiện thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu địa chỉ số trên địa bàn.

- Chỉ đạo thực hiện tuyên truyền về nền tảng địa chỉ số trên Đài Truyền thanh - Truyền hình, hệ thống truyền thanh cơ sở, Cổng Thông tin điện tử cấp huyện và cấp xã trên địa bàn.

- Triển khai các ứng dụng sử dụng nền tảng địa chỉ số để phục vụ việc phát triển kinh tế số, xã hội số tại địa phương.

- Thực hiện báo cáo định kỳ 6 tháng (trước ngày 20/6), báo cáo năm (trước ngày 20/12) và báo cáo đột xuất khác về tình hình thực hiện Kế hoạch gửi về Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **4. Các cơ quan báo chí của tỉnh**

Chủ động xây dựng các chuyên trang, chuyên mục thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác về nền tảng địa chỉ số.

## **5. Các doanh nghiệp tham gia thực hiện Kế hoạch**

### **5.1. Bưu điện tỉnh Thái Bình**

- Xây dựng, phê duyệt và triển khai Kế hoạch của đơn vị để thực hiện Kế hoạch triển khai nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với địa chỉ số trên địa bàn tỉnh Thái Bình nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, cung cấp dịch vụ liên quan đến Nền tảng cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người dân; báo cáo Kế hoạch của đơn vị về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông).

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1, khoản 2 Mục II Kế hoạch này; phối hợp thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Mục II Kế hoạch này.

- Thực hiện báo cáo định kỳ hằng tháng (trước ngày 20), báo cáo đột xuất khác về tình hình thực hiện Kế hoạch và số lượng đối tượng đã được thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu địa chỉ số trên địa bàn tỉnh (theo Phụ lục IV) gửi về Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định.

### 5.2. Các doanh nghiệp bưu chính, công nghệ khác

Nghiên cứu phát triển, sử dụng bản đồ số tích hợp địa chỉ số để nâng cao hiệu quả kinh doanh dịch vụ bưu chính, chia sẻ, cung cấp dịch vụ liên quan cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người dân.

### 6. Các sở, ban, ngành và cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh

- Triển khai các ứng dụng sử dụng nền tảng địa chỉ số để phục vụ việc phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh.

- Thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm (trước ngày 20/12) về số ứng dụng sử dụng nền tảng địa chỉ số được đưa vào sử dụng về Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông.

Trên đây là Kế hoạch triển khai nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) để xem xét, chỉ đạo.

*(Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 04/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Thái Bình)./. Giang*

#### Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Báo Thái Bình, Đài PTTH Thái Bình;
- Bưu điện tỉnh Thái Bình;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX. *12*



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

*Trần Thị Bích Hằng*

**Trần Thị Bích Hằng**



**PHỤ LỤC I**  
**CẤU TRÚC NỀN TẢNG ĐỊA CHỈ SỐ VÀ NGUYÊN TẮC GÁN ĐỊA CHỈ SỐ**  
*(Kèm theo Kế Hoạch số 56 /KH-UBND ngày 18 tháng 03 năm 2024*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**1. Các khái niệm**

1.1. Địa chỉ số là tập hợp thông tin nhằm xác định vị trí, tọa độ của một địa danh hoặc một đối tượng bất kỳ gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Đối tượng được gán địa chỉ số).

1.2. Đối tượng được gán địa chỉ số (gọi tắt là đối tượng) là nhà ở, trụ sở, cơ sở sản xuất kinh doanh, công trình xây dựng, địa danh hoặc bất cứ cấu trúc vật lý gắn liền với đất nào cần xác định vị trí để phục vụ nhu cầu đa dạng của người dân, doanh nghiệp, nhà nước và toàn xã hội. Đối tượng gán địa chỉ số được phân loại trong phụ lục II kèm theo.

1.3. Mã địa chỉ số được biểu diễn dưới dạng ký tự số, dễ nhớ, dễ sử dụng, đảm bảo tính duy nhất và có thể thay thế địa chỉ hành chính (nếu cần).

**2. Cấu trúc địa chỉ số**

Địa chỉ số bao gồm Mã địa chỉ số và các trường thông tin địa chỉ số

2.1. Mã địa chỉ số: gồm tập hợp 10 (mười) ký tự số, xác định đối tượng được gán địa chỉ số, cụ thể:

- Năm (05) ký tự số đầu gọi là Mã khu vực, xác định đơn vị hành chính cấp phường, xã và đơn vị hành chính tương đương.

- Năm (05) ký tự số tiếp theo gọi là Mã mở rộng, được gán ngẫu nhiên đến từng Đối tượng cụ thể.

Cấu trúc Mã địa chỉ số thể hiện trong hình sau:

**Cấu trúc địa chỉ số**

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----

**Mã khu vực**

*(tổ hợp 1-5, gán đến đơn vị hành chính cấp xã)*

Được gán đến từng đơn vị hành chính cấp phường/xã.

**Mã mở rộng**

*(tổ hợp 6-10, gán ngẫu nhiên tới từng địa chỉ vật lý cụ thể trong phạm vi khu vực)*

Được gán đến từng nhà ở, trụ sở, công trình, địa điểm cần gán địa chỉ. Duy nhất cho mỗi khu vực

## 2.2. Các trường thông tin địa chỉ số

### a) Các trường thông tin cơ bản

(1) Tên hoặc dấu hiệu nhận biết Đối tượng: là tên, mã số (nếu có) hoặc miêu tả đặc điểm, dấu hiệu nhận biết của đối tượng được gán địa chỉ số.

(2) Địa chỉ hành chính hoặc khu vực hành chính của Đối tượng: là địa chỉ hành chính (nếu có) như số nhà, tên đường, ..., hoặc thông tin khu vực hành chính của Đối tượng (như thôn/tổ, xã/phường, thị trấn, huyện/thành phố, tỉnh/thành phố).

(3) Loại đối tượng: thông tin về loại của Đối tượng được gán địa chỉ số theo quy định phân loại tại Phụ lục I Kế hoạch này.

(4) Tọa độ địa chỉ: là kinh độ, vĩ độ của vị trí cho phép tiếp cận Đối tượng được gán địa chỉ số từ đường giao thông (công vào, lối vào của Đối tượng); Trường hợp Đối tượng có cổng/cửa vào lớn thì lấy tọa độ vị trí trung tâm của cổng/cửa vào của Đối tượng làm tọa độ của địa chỉ.

### b) Các trường thông tin nâng cao:

(1) Tên, số điện thoại di động, email của chủ sở hữu đối tượng được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình của cá nhân, hộ gia đình).

(2) Tên, số điện thoại di động, email của người đại diện theo pháp luật của tổ chức sở hữu đối tượng được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ trụ sở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc công trình thuộc sở hữu tập thể).

(3) Tên, số điện thoại di động, email của người đang sử dụng/quản lý đối tượng được gán địa chỉ số.

(4) Khuyến khích UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với doanh nghiệp phát triển nền tảng địa chỉ số nghiên cứu, bổ sung các trường thông tin nâng cao để tăng giá trị sử dụng Nền tảng địa chỉ số phù hợp nhu cầu khai thác, sử dụng và phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

## 3. Nguyên tắc gán địa chỉ số

3.1. Một Đối tượng nếu có nhiều lối tiếp cận (lối vào) khác nhau từ đường giao thông (ví dụ cổng trước, cổng sau của 1 ngôi nhà) thì có thể được gán nhiều địa chỉ số; mỗi địa chỉ tương ứng với một lối tiếp cận Đối tượng.

3.2. Đối với Đối tượng có nhiều địa chỉ số (có nhiều lối tiếp cận/lối vào) thì trường thông tin về “Tên hoặc dấu hiệu nhận biết đối tượng” của mỗi địa chỉ số của Đối tượng đó cần ghi rõ thông tin phân biệt (ví dụ: cổng trước hoặc cổng sau của Toà nhà xxx).

3.3. Đối với loại Đối tượng có kết cấu theo chiều dài tiếp giáp dọc đường giao thông và có thể tiếp cận đối tượng từ bất cứ chỗ nào dọc đoạn đường giao thông đó (ví dụ 1 quả đồi, công viên có đường vòng quanh và không có hàng rào) thì cách gán địa chỉ số cho Đối tượng áp dụng như đối với đường giao thông (đường phố, ngõ, ngách, ...), theo đó địa chỉ số của Đối tượng sẽ gồm địa chỉ điểm đầu, địa chỉ điểm cuối và địa chỉ các nút giao, cắt của con đường.

**PHỤ LỤC II**  
**PHÂN LOẠI ĐỐI TƯỢNG GÁN ĐỊA CHỈ SỐ**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 56 /KH-UBND ngày 18 tháng 03 năm 2024*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Đối tượng gán địa chỉ số được phân thành các loại như sau:

**I. Nhà ở cá nhân, hộ gia đình**

1. Nhà ở cá nhân, hộ gia đình; nhà ở tập thể, khu nhà trọ; căn hộ (trong các toà nhà, chung cư); nơi cư trú khác.

**II. Trụ sở cơ quan, tổ chức**

2. *Trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội:* (i) Trụ sở Tỉnh uỷ, UBND, HĐND tỉnh, cơ quan sở, ban, ngành và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp tỉnh; (ii) Trụ sở Huyện uỷ, UBND, HĐND huyện, thành phố và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp huyện; (iii) Trụ sở Đảng uỷ, UBND, HĐND phường, xã, thị trấn và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp xã; (iv) Trụ sở toà án, viện kiểm sát và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện; (v) Nhà tù, trại giam, trại giáo dưỡng; (vi) Trụ sở các cơ quan đoàn thanh niên, hội phụ nữ, công đoàn; (vii) Trụ sở các hội, hiệp hội, liên hiệp hội và tổ chức chính trị - xã hội khác; (viii) Trụ sở các cơ quan nhà nước khác, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nghề nghiệp khác, cơ quan chuyên môn của nhà nước.

3. Trụ sở cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài.

**III. Các cơ sở dân sinh, kinh tế - xã hội**

4. *Cơ sở giáo dục, đào tạo:* (i) Cơ sở giáo dục mầm non (nhà trẻ, trường/cơ sở mẫu giáo, mầm non); (ii) Cơ sở giáo dục/trường tiểu học; (iii) Cơ sở giáo dục/trường trung học cơ sở; (iv) Cơ sở giáo dục/trường trung học phổ thông, trường phổ thông liên cấp; (v) Cơ sở/trung tâm giáo dục thường xuyên; (vi) Cơ sở đào tạo/trường cao đẳng, đại học; (vii) Cơ sở đào tạo/trường dạy nghề, công nhân kỹ thuật, trung học chuyên nghiệp; (viii) Cơ sở/trung tâm đào tạo (ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ chuyên ngành, âm nhạc, mỹ thuật, kỹ năng sống, kỹ năng chuyên môn, ...); (ix) Cơ sở/trung tâm tư vấn giáo dục, đào tạo, du học; (x) Cơ sở giáo dục đào tạo khác.

5. *Cơ sở y tế, dược phẩm:* (i) Cơ sở y tế, khám chữa bệnh: bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa, trạm y tế, trung tâm y tế, điểm/phòng khám chữa bệnh, trung tâm xét nghiệm, trung tâm thí nghiệm y tế, sinh học, khu cách ly y tế, bệnh viện/trại tâm thần, cơ sở y tế khác; (ii) Cơ sở chăm sóc sức khoẻ: cơ sở/trung tâm chăm sóc sức khoẻ, cơ sở dưỡng lão, cơ sở chăm sóc sức khoẻ khác; (iii) Cơ sở thú y: bệnh viện thú y, trạm thú y, cơ sở thú y khác; (iv) Cơ sở dược phẩm, thiết bị y tế: nhà thuốc, cửa hàng dược, cửa hàng thiết bị y tế, công ty/cơ sở sản xuất chế biến dược phẩm, công ty/cơ sở sản xuất thiết bị y tế; cơ sở dược phẩm, thiết bị y tế khác.

6. Cơ sở kinh doanh, bán buôn, bán lẻ, dịch vụ tư vấn, môi giới, sửa chữa, cho thuê: (i) chợ, siêu thị: chợ, chợ đầu mối, siêu thị, toà nhà thương mại, trung tâm mua sắm; (ii) cửa hàng bán lẻ, bán buôn: cửa hàng, cửa hiệu, đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, show room, cơ sở bán buôn, bán lẻ khác; (iii) Cơ sở dịch vụ công chúng, môi giới, quảng cáo: phòng công chứng, trung tâm tư vấn, trung tâm môi giới bất động sản, trung tâm quảng cáo, cơ sở môi giới khác; (iv) Cơ sở dịch vụ xe - máy, sửa chữa: đại lý xe - máy, cơ sở kinh doanh buôn bán xe - máy, đại lý cho thuê, trung tâm bảo hành, gara sửa chữa, cửa hàng sửa chữa, cơ sở dịch vụ xe - máy, dịch vụ sửa chữa khác; (v) Cơ sở dịch vụ studio, ảnh viện, dịch vụ cưới hỏi.

7. Cơ sở văn hoá: Trung tâm hội nghị, hội thảo, nhà văn hóa, câu lạc bộ; Bảo tàng, thư viện, triển lãm, nhà trưng bày; Nhà hát, trung tâm ca nhạc, điểm biểu diễn, rạp chiếu phim, rạp xiếc, rạp múa rối, cơ sở biểu diễn nghệ thuật khác; Di tích lịch sử, nhà/khu bảo tồn văn hoá; Cơ sở văn hóa khác;

8. Cơ sở thể dục, thể thao: Sân vận động, sân bóng đá, sân thi đấu, nhà thi đấu, sân tennis, sân thể thao ngoài trời, sân gôn, sân thể thao khác; Khu tập luyện thể thao, bể bơi, phòng tập gym, yoga, điểm tập luyện thể dục thể thao khác; Cửa hàng, cơ sở bán trang thiết bị, công cụ, dụng cụ thể thao; Cơ sở sản xuất trang thiết bị, công cụ, dụng cụ thể thao; Các cơ sở thể thao khác.

9. Cơ sở, địa danh du lịch, giải trí, ăn uống, lưu trú, đi lại: (i) Điểm du lịch, đi lại: điểm du lịch, danh lam, thắng cảnh, công viên cây xanh, vườn bách thảo, sở thú, khu bảo tồn, khu sinh thái, bãi biển, điểm checkin; bến xe, bến tàu, sân bay, điểm đón trả khách; ... (ii) Cơ sở dịch vụ du lịch, đi lại: đại lý du lịch, trung tâm thông tin du lịch, điểm đặt tour du lịch, trung tâm điều hành tour du lịch, đại lý vé máy bay, tàu, thuyền, cơ sở dịch vụ du lịch, đi lại khác (ii) Cơ sở giải trí: điểm vui chơi giải trí, vũ trường, karaoke, quán bi-a, quán game, cơ sở vui chơi giải trí khác,...; (iii) Cơ sở ẩm thực, ăn uống: khu ẩm thực, nhà hàng, quán ăn, hàng ăn, quán bia, quán rượu, quán bar, pub, quán cà phê, quán giải khát,... (iv) Cơ sở lưu trú: khu nghỉ dưỡng, resort, khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, homestay, ký túc xá, nhà trọ; (v) Cơ sở du lịch, ăn uống, lưu trú, đi lại khác.

10. Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng: đình, đền, chùa, miếu thờ, nhà thờ, tượng phật, tượng thánh, nhà tưởng niệm, nhà tang lễ, lăng mộ, nghĩa trang, cơ sở hoả táng, cửa hàng đồ ma chay hiếu hỉ thờ cúng, công trình tôn giáo khác.

11. Cơ sở bưu chính, viễn thông: (i) Bưu chính, chuyển phát: bưu cục, điểm giao nhận hàng chuyển phát, trung tâm chia chọn, trụ sở doanh nghiệp bưu chính chuyển phát, điểm văn hoá xã, cơ sở bưu chính khác; (ii) Viễn thông - Internet: điểm giao dịch viễn thông - internet, đại lý internet, trụ sở doanh nghiệp viễn thông - internet, cơ sở viễn thông, công trình viễn thông, cột ăng ten viễn thông, trạm chuyển phát, cột/đường cáp tín hiệu, các cơ sở công trình viễn thông khác.



12. Cơ sở, công trình báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình: trụ sở các cơ quan báo chí, nhà xuất bản, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình, nhà trạm phát sóng, cột ăng ten phát thanh truyền hình, trạm chuyên phát, các cơ sở, công trình báo chí, phát thanh, truyền hình khác.

13. Các cơ sở, doanh nghiệp công nghệ số: trụ sở các doanh nghiệp công nghệ thông tin, doanh nghiệp điện tử, doanh nghiệp nền tảng số, trung tâm phần mềm, phòng thí nghiệm, thử nghiệm công nghệ (test lab), cơ sở nghiên cứu công nghệ, các cơ sở công nghệ số khác.

14. Các cơ sở ngân hàng, tài chính, bảo hiểm: (i) Cơ sở ngân hàng: trụ sở ngân hàng, điểm giao dịch tín dụng, cây ATM, điểm đổi tiền, trung tâm trung gian tiền tệ, cơ sở dịch vụ ngân hàng khác; (ii) Cơ sở tài chính: trụ sở các tổ chức tài chính, cơ sở dịch vụ tài chính, quỹ đầu tư; (iii) Cơ sở chứng khoán: trụ sở các tổ chức chứng khoán, sàn giao dịch chứng khoán; (iv) Cơ sở kinh doanh vàng bạc đá quý và đồ trang sức; (v) trụ sở các tổ chức bảo hiểm, cơ sở dịch vụ bảo hiểm; (vi) Các cơ sở dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm khác.

15. Cơ sở vận tải, logistic: bến xe, bến tàu thuyền, bến cảng, nhà ga, sân bay, bến hành khách, bến hàng hoá, âu tàu, khu chuyển tải; khu neo đậu; khu tránh, trú bão, bến phà, bến đò, bến sông, kho bãi, trạm thu phí, điểm dừng chân, điểm đón trả khách, trạm chờ xe buýt, bãi đỗ xe, đại lý vận tải, đại lý giao nhận, đại lý dịch vụ logistic, cửa hàng/Trạm bán lẻ xăng, dầu, khí hóa lỏng; trạm cấp/sạc điện, pin điện, thay ắc quy, các cơ sở vận tải, logistic khác.

16. Nhà máy, công xưởng, cơ sở sản xuất công nghiệp nhẹ: nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp thực phẩm (bánh, kẹo, sữa, mỳ ăn liền, rượu, bia, nước giải khát; nhà máy, cơ sở sản xuất chế biến nông, thủy, hải sản; nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp tiêu dùng (dệt, sợi, in, nhuộm, may mặc, da, giày, nhựa, thủy tinh, giấy, thuốc lá, vi tính, điện tử); các cơ sở sản xuất công nghiệp nhẹ khác.

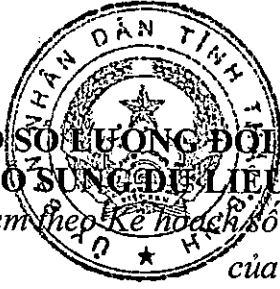
17. Nhà máy, công xưởng, cơ sở sản xuất công nghiệp nặng: nhà máy, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, sản phẩm xây dựng; nhà máy, cơ sở luyện kim và cơ khí chế tạo; cơ sở khai thác mỏ và chế biến khoáng sản; cơ sở khai thác, chế biến, lưu trữ dầu khí; nhà máy, cơ sở sản xuất, công trình điện (nhiệt điện, thủy điện, điện hạt nhân, điện gió, điện mặt trời, điện thủy triều, điện khí, đường dây và trạm biến áp); nhà máy, cơ sở sản xuất hoá chất (sản xuất phân bón và hóa chất bảo vệ thực vật; sản xuất sản phẩm hóa chất cơ bản, hóa dầu, hóa dược, hóa mỹ phẩm và hóa chất khác; sản xuất sản phẩm nguồn điện hóa học; sản xuất, kho trạm chiết nạp khí công nghiệp; sản xuất sản phẩm cao su; sản xuất, chứa vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ; các cơ sở sản xuất công nghiệp nặng khác.



**PHỤ LỤC III**  
**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ**

*theo Kế hoạch số 56 /KH-UBND ngày 18 tháng 03 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Stt	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
<b>1</b>	<b>Thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu địa chỉ số</b>		
	Thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu địa chỉ số	Bưu điện tỉnh Thái Bình	Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan
<b>2</b>	<b>Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số</b>		
2.1	Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ về địa chỉ số như: tìm kiếm địa chỉ, gợi ý địa chỉ số, xác thực địa chỉ, định danh tọa độ/địa chỉ và các dịch vụ địa chỉ số khác.	Bưu điện tỉnh Thái Bình	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
2.2	Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu địa chỉ số phục vụ nhu cầu nghiệp vụ, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.	Bưu điện tỉnh Thái Bình	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
2.3	Thúc đẩy chia sẻ dữ liệu, kết hợp xây dựng nền tảng bản đồ số và phát triển các ứng dụng bản đồ số phục vụ các ngành, lĩnh vực như: bản đồ dịch tễ, bản đồ vùng an toàn dịch bệnh, bản đồ du lịch, bản đồ nông sản, v.v....	Bưu điện tỉnh Thái Bình	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
<b>3</b>	<b>Triển khai các ứng dụng sử dụng nền tảng địa chỉ số</b>		
	Triển khai các ứng dụng sử dụng nền tảng địa chỉ số phục vụ việc phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh.	Các sở, ban, ngành và cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh	
<b>4</b>	<b>Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền về nền tảng địa chỉ số</b>		
a	Tuyên truyền về nền tảng địa chỉ số	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
b	Chỉ đạo thực hiện tuyên truyền về nền tảng địa chỉ số trên Đài Truyền thanh - Truyền hình, hệ thống truyền thanh cơ sở, Cổng Thông tin điện tử cấp huyện và cấp xã trên địa bàn.	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
c	Thực hiện tuyên truyền tại các điểm phục vụ bưu chính, trên trang thông tin điện tử.	Bưu điện tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan



**PHỤ LỤC IV**  
**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG ĐỐI TƯỢNG ĐÃ ĐƯỢC THU THẬP, CẬP NHẬT,**  
**BỔ SUNG DỮ LIỆU ĐỊA CHỈ SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 56 /KH-UBND ngày 18 tháng 03 năm 2024*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**BƯU ĐIỆN TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../BC-.....

Thái Bình, ngày.....tháng.....năm .....

**BÁO CÁO**  
**SỐ LƯỢNG ĐỐI TƯỢNG ĐÃ ĐƯỢC THU THẬP, CẬP NHẬT,**  
**BỔ SUNG DỮ LIỆU ĐỊA CHỈ SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**  
 (Tháng.....năm 202.....)

Stt	Tên chỉ tiêu	Huyện/ thành phố	Số lượng đạt được trong kỳ báo cáo	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Ghi chú
1	Nhà ở cá nhân, hộ gia đình				
2	Trụ sở cơ quan, tổ chức				
3	Các cơ sở dân sinh, kinh tế xã hội				

**Người lập biểu**

**Lãnh đạo đơn vị**  
*(ký tên, đóng dấu)*